

Số: 224¹ /QĐ-UBND

Sóc Trăng, ngày 18 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Sóc Trăng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/04/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 21/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 27/07/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Sóc Trăng (tại Tờ trình số 82/TTr-SLĐTBXH ngày 07/8/2020).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Sóc Trăng kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

b) Tham mưu, ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công đối với các dịch vụ đã có định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do các bộ, ngành Trung ương ban hành, thông qua Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan xây dựng đơn giá dịch vụ sự nghiệp công đối với các dịch vụ chưa được các bộ, ngành Trung ương ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, thông qua Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Danh mục dịch vụ sự nghiệp công tại Điều 1 Quyết định này khi cần thiết.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

3. Các sở, ban ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn, quyết định phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /*lsh*

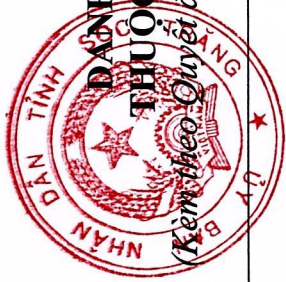
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, VX. /*lsh*

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Hùng



DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
THUỘC LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH SÓC TRĂNG
(Kèm theo Quyết định số 2241 /QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	Tên dịch vụ sự nghiệp công	Ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ chi phí thực hiện dịch vụ	Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần chi phí theo lộ trình giá dịch vụ công	Ghi chú
I	Dịch vụ chăm sóc người có công			
1	Dịch vụ điều dưỡng luân phiên người có công	x		
2	Dịch vụ nuôi dưỡng, điều dưỡng thương bệnh binh, người có công	x		
II	Dịch vụ thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp			
1	Dịch vụ đào tạo nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	x		Danh mục nghề do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định
2	Dịch vụ đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng đối với ngành, nghề khó tuyển sinh nhưng xã hội có nhu cầu; các ngành chuyên môn đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh	x		Danh mục ngành nghề do cơ quan quản lý giáo dục nghề nghiệp trung ương quy định
3	Dịch vụ đào tạo sơ cấp nghề, đào tạo nghề dưới 03 tháng cho phụ nữ, lao động nông thôn, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội	x		
4	Dịch vụ đào tạo nghề trình độ cao đẳng, trung cấp các nghề còn lại ngoài danh mục quy định tại mục 1, 2, 3 Phần II		x	

III	Dịch vụ về việc làm			
1	Dịch vụ tư vấn, giới thiệu việc làm, định hướng nghề nghiệp cho người lao động	x		
2	Dịch vụ thu thập, phân tích, dự báo và cung ứng thông tin thị trường lao động	x		Bao gồm: Thu thập, cung cấp thông tin thị trường lao động, phân tích, dự báo thị trường lao động, kết nối thị trường lao động
3	Dịch vụ cung ứng và tuyển lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động, trừ đối tượng thuộc bảo hiểm thất nghiệp chi trả		x	
IV	Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho lao động là người dân tộc thiểu số; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; thân nhân người có công với cách mạng; người cần nâng cao trình độ kỹ năng nghề, ngoại ngữ theo yêu cầu của nước tiếp nhận lao động thuộc dự án, chương trình hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam và nước tiếp nhận lao động	x		
V	Dịch vụ trợ giúp xã hội và bảo vệ chăm sóc trẻ em			
1	Dịch vụ chăm sóc đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp theo Điều 6 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội	x		Bao gồm: Sơ cấp cứu và chăm sóc sức khỏe ban đầu; cung cấp chỗ ở tạm thời; cung cấp thực phẩm, thức ăn; cung cấp quần áo và các vật dụng sinh hoạt thiết yếu; hỗ trợ tâm lý; trị liệu; phục hồi thể chất; các dịch vụ cần thiết khác
2	Dịch vụ chăm sóc dài hạn cho đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	x		Bao gồm: Sàng lọc và tiếp nhận đối tượng; đánh giá nhu cầu chăm sóc trung hạn hoặc dài hạn; kiểm tra và chăm sóc sức khỏe ban đầu; xây dựng kế hoạch chăm sóc; tổ chức thực hiện kế hoạch chăm sóc; cung cấp chỗ ở, thức ăn, quần áo và các vật dụng thiết yếu phục vụ sinh hoạt; quản lý đối tượng; xác minh, tiếp xúc với

				gia đình của đối tượng; hỗ trợ đối tượng trở về gia đình, cộng đồng; tổ chức giáo dục; dạy nghề; dạy kỹ năng sống; vật lý trị liệu; lao động trị liệu; trị liệu tâm lý; phục hồi chức năng; tổ chức các hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí; chăm sóc y tế; tư vấn, trợ giúp đối tượng trở về gia đình, cộng đồng.
				- Dịch vụ công tác xã hội: Dịch vụ tư vấn, tham vấn; trị liệu; phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng; trợ giúp pháp lý; hòa giải; vận động nguồn lực; kết nối; chuyển tuyến; phòng ngừa, ngăn chặn đối tượng bị xâm hại, bạo lực, ngược đãi hoặc có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh khó khăn khác; hoạt động can thiệp; hỗ trợ đối tượng hòa nhập cộng đồng; quản lý đối tượng; giáo dục xã hội và nâng cao năng lực; phát triển cộng đồng; tư vấn, truyền thông. - Dịch vụ chăm sóc, nhận nuôi: Dịch vụ tuyển chọn, tư vấn, nâng cao năng lực và phát triển mạng lưới gia đình, cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội có thời hạn; đánh giá giá nhu cầu, lập hồ sơ đối tượng bảo trợ xã hội cần tìm kiếm gia đình, cá nhân nhận chăm sóc nuôi dưỡng; lập hồ sơ đăng ký nhận chăm sóc nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội có thời hạn của gia đình, cá nhân; đánh giá, chứng nhận điều kiện nhận chăm sóc, nuôi dưỡng của gia đình, cá nhân đăng ký; tập huấn, nâng cao năng lực gia đình, cá nhân nhận chăm sóc nuôi dưỡng đối tượng đủ điều kiện; hỗ trợ tâm lý cho đối
			x	
				Dịch vụ công tác xã hội và chăm sóc bán trú đối với các đối tượng: - Đối tượng theo quy định tại Quyết định số 647/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án chăm sóc trẻ em mồ côi không còn nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em nhiễm HIV/AIDS, trẻ em là nạn nhân của chất độc hóa học, trẻ em khuyết tật nặng và trẻ em bị ảnh hưởng bởi thiên tai, thảm họa đưa vào cộng đồng giai đoạn 2013 - 2020 - Đối tượng quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội thuộc đối tượng bảo trợ xã hội - Đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg ngày 25/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nghề công tác xã hội giai đoạn 2010 - 2020
3				

					tượng; đưa đối tượng về gia đình, cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng; kiểm tra, theo dõi việc nhận chăm sóc, nuôi dưỡng. - Dịch vụ chăm sóc bán trú: Dịch vụ cung cấp tại Trung tâm và cung cấp tại gia đình.
4	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng dài hạn cho đối tượng tự nguyện đóng góp kinh phí hoặc có người thân, người nhận bảo trợ đóng góp kinh phí (sau đây gọi chung là đối tượng tự nguyện)			x	
5	Dịch vụ công tác xã hội và chăm sóc bán trú cho đối tượng tự nguyện			x	
VI	Dịch vụ lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội				
1	Dịch vụ tư vấn dự phòng nghiện ma túy; tư vấn điều trị, cai nghiện ma túy, cai nghiện phục hồi; đào tạo nghề, tạo việc làm cho người nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện công lập	x			
2	Dịch vụ hỗ trợ cho người bán dâm tại cộng đồng và Trung tâm cung cấp dịch vụ công tác xã hội tỉnh	x			
3	Dịch vụ hỗ trợ khẩn cấp, hỗ trợ phục hồi và hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân bị mua bán	x			
VII	Dịch vụ huấn luyện an toàn - vệ sinh lao động			x	